

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 27 – 01 – 2022

V/v: “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Bá Linh.

Ông Nguyễn Xuân Thành.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T

Địa chỉ: Số 266-268 N, p, q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn C, sinh năm 1990; Chức vụ: Phó phòng – Phòng giao dịch Năm Căn – Chi nhánh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 22/11/2021) (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* 1/ Bà Hồ Thị N, Sinh năm: 1973. (vắng mặt).

2/ Ông Phan Văn M, Sinh năm: 1971. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 30/12/2020 nguyên đơn trình bày:
Ngày 21/9/2018, bà Hồ Thị N và ông Phan Văn M đã ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ: LD1826400680 tại Ngân hàng T – Chi nhánh Cà Mau – Phòng giao dịch Năm Căn (gọi tắt là Ngân hàng). Hai bên thống nhất việc

Ngân hàng cho vay tiền theo nội dung thỏa thuận như sau: Số tiền cho vay là 30.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 1,35%/tháng (cho vay góp đều, lãi không giảm theo dư nợ). Số tiền thanh toán hàng tháng 1.238.000 đồng, riêng kỳ thứ 36 (kỳ cuối) thanh toán 1.250.000 đồng, biện pháp bảo đảm vay tín chấp không tài sản đảm bảo. Trong quá trình vay bà N, ông M đã trả được 19 kỳ với tổng số tiền phát sinh là 21.856.000 đồng, trong đó vốn đã trả 14.161.000 đồng, lãi đã trả 7.695.000 đồng.

Ngày 22/4/2020 khoản vay của bà N và ông M đã đến hạn thanh toán nhưng khách hàng vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng để phát sinh nợ quá hạn tại Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ hồ sơ sang quá hạn từ ngày 22/4/2020.

Tổng dư nợ tính đến ngày 30/12/2020 là 20.267.344 đồng trong đó nợ gốc 15.839.000 đồng, lãi trong hạn 3.645.000 đồng, lãi quá hạn 783.344 đồng,

Nay Ngân hàng yêu cầu bà N và ông M phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi đến ngày 30/12/2020 cho Ngân hàng với tổng số tiền là 20.267.344 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 31/12/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Tại đơn xin vắng mặt và Bản tự khai ngày 27/01/2022 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Yêu cầu bà N và ông M thanh toán tiền gốc, lãi tính đến ngày 27/01/2022 với tổng số tiền 27.972.442 đồng trong đó nợ gốc 15.839.000 đồng, lãi trong hạn 10.127.000 đồng, lãi quá hạn 2.005.542 đồng. Đồng thời, buộc bà N và ông M phải thanh toán phần lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ ngày 28/01/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng T khởi kiện bà H, ông Phan Văn M cư trú tại ấp B, xã V, huyện N, tỉnh C trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xét đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với bà N và ông M là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt; Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng

mặt bà N, ông M và Ngân hàng theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 21/9/2018, bà Hồ Thị N và ông Phan Văn M đã ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ: LD1826400680 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cà Mau – Phòng giao dịch Năm Căn (gọi tắt là Ngân hàng). Hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho vay tiền theo nội dung thỏa thuận như sau: Số tiền cho vay là 30.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng là thực tế có xảy ra, khi vay đôi bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán và có lãi, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ hồ sơ vay vốn thể hiện bà N và ông M vay vốn trực tiếp tại Ngân hàng với số tiền gốc: 30.000.000 đồng, phương thức thanh toán là trả gốc và lãi hàng tháng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 1,35%/tháng (cho vay góp đều, lãi không giảm theo dư nợ). Tính đến ngày 27/01/2022 dư nợ của bà N và ông M là 15.839.000 đồng, lãi trong hạn là 10.127.900 đồng, lãi quá hạn 2.005.542 đồng. Do đến ngày 22/4/2020, bà N và ông M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi là vi phạm thời hạn thanh toán nợ khi đến hạn theo hợp đồng xác lập làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay. Từ khi xác lập hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số LD1826400680 ngày 21/9/2018 đến thời điểm Ngân hàng làm đơn khởi kiện ngày 22/10/2021 thì khoản nợ vay của bà N và ông M đã quá hạn. Sau khi đối chiếu khoản nợ gốc vay chưa thanh toán và mức lãi thỏa thuận ghi nhận trong hợp đồng thấy rằng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/01/2022 dư nợ của bà N và ông M là 15.839.000 đồng; tiền lãi trong hạn 10.127.900 đồng và lãi quá hạn 2.005.542 đồng nên Ngân hàng yêu cầu bà N và ông M thanh toán tổng số tiền gốc và lãi là 27.972.442 đồng và yêu cầu bà N và ông M thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 28/01/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng. Buộc bà N và ông M phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 27.972.442 đồng và buộc bà N và ông M phải thanh toán phần lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ ngày 28/01/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng tín dụng.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà N và ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 27.972.442

đồng x 5% = 1.399.000 đồng (tính tròn số). Ngân hàng T đã dự nộp số tiền 507.000 đồng theo biên lai thu số 0019814 ngày 22/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền, Ngân hàng được nhận lại.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc bà Hồ Thị N và ông Phan Văn M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền 27.972.442 đồng (Hai bảy triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng).

Kể từ ngày 28 tháng 01 năm 2022, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Bà Hồ Thị N và ông Phan Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.399.000 đồng (tính tròn số). Ngân hàng T đã dự nộp số tiền 507.000 đồng theo biên lai thu số 0019814 ngày 22/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền, Ngân hàng được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như